|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: /BC-BCT | Hà Nội, ngày tháng năm 2018 |

**BÁO CÁO TÓM TẮT**

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

## THÁNG 01 NĂM 2018

###### I. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

**1. Tình hình sản xuất**

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 01 năm 2018 ước tính tăng cao ở mức 20,9% so với cùng kỳ năm 2017, chủ yếu do thời gian nghỉ Tết Nguyên đán năm nay không trùng vào tháng 01 như năm 2017 và là thời điểm các doanh nghiệp tập trung sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết. (*Tháng 01 năm 2017 có hai kỳ nghỉ Tết dương lịch và Tết Nguyên đán)*

Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 23,8%, đóng góp 17,5 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 15,4%, đóng góp 1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 10,5%, đóng góp 2,3 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,8%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm (Phụ lục 1).

Trong tháng 01 năm 2018, một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Khai thác quặng kim loại tăng 52,5%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 38%; khai thác than cứng và than non tăng 29,1%; sản xuất kim loại tăng 27,1%; sản xuất trang phục tăng 25,8%; dệt tăng 23%. Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm: Khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 6,3%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu tăng 4,7%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị giảm 0,9%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế giảm 3%; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng giảm 22,4%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 01 năm 2018 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Tivi tăng 62,9%; sữa bột tăng 51%; sữa tắm, sữa rửa mặt tăng 34,1%; vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo tăng 33,8%; xi măng tăng 29,7%; sắt, thép thô tăng 28,4%; than đá tăng 27,1%; thép thanh, thép góc tăng 24,1%; khí đốt thiên nhiên tăng 22,1%; bia tăng 21,5%; thuốc lá điếu tăng 21,2%. Một số sản phẩm tăng thấp hoặc giảm: giày, dép da tăng 3,9%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 3,4%; dầu gội đầu, dầu xả tăng 1,9%; thức ăn cho gia súc bằng cùng kỳ năm trước; phân u rê giảm 8,5%; dầu thô khai thác giảm 10,7%. (Phụ lục 2).

***Đánh giá chung:***Trong tháng 01, các đơn vị trong ngành đã khẩn trương, tích cực triển khai thực hiện nghiêm túc Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2016; tập trung giao và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2018. Sản xuất công nghiệp được duy trì và tăng trưởng cao so với mức tăng của cùng kỳ năm 2017. Bên cạnh nguyên nhân do tháng 01 năm 2017 có hai kỳ nghỉ Tết dương lịch và Tết Nguyên đán, trong khi đó kỳ nghỉ Tết Nguyên đán năm 2018 rơi vào tháng 2, thì yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp đó là các cơ quan, đơn vị thuộc ngành Công Thương đã tập trung quán triệt, bám sát những nội dung, nhiệm vụ được giao, chủ động, tích cực triển khai thực hiện với nỗ lực cao nhất để phấn đấu hoàn thành đạt và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra ngay từ tháng đầu năm.

**2. Tình hình sản xuất của một số ngành**

***2.1. Ngành năng lượng***

***- Ngành điện:*** Tháng 01, hệ thống điện vận hành ổn định, an toàn, đảm bảo chất lượng điện năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ đời sống nhân dân cả nước trong dịp Tết Dương lịch vừa qua và chuẩn bị cho Tết Nguyên đán 2018 sắp tới. Sản lượng điện tháng 01 năm 2018 ước đạt 15,8 tỷ kWh, tăng 19,1% so với cùng kỳ và cao hơn mức tăng của cùng kỳ năm 2017 (tăng 13,8%). Điện thương phẩm ước đạt 14,6 tỷ kWh, tăng 12% so với tháng 01 năm 2017, cao hơn mức tăng cùng kỳ năm 2017 (tăng 9,1%).

Về nguồn điện, các nhà máy thủy điện đều hoàn thành vượt mức kế hoạch do tình hình thủy văn thuận lợi, các nhà máy nhiệt điện than và tua bin khí huy động cao để giữ mức nước các hồ thuỷ điện; mua điện Trung Quốc tăng 39,4% so với cùng kỳ, theo nhu cầu phụ tải khu vực.

***- Ngành dầu khí:*** Tháng 01 năm 2018, công tác tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu khí được triển khai tích cực ở cả trong nước và ngoài nước theo kế hoạch đề ra. Sản lượng dầu thô khai thác tháng 01 ước đạt 1,2 triệu tấn, giảm 10,7% so với cùng kỳ năm 2017; khai thác khí đốt thiên nhiên ước đạt 0,9 tỷ m3, tăng 22,1%; khí hóa lỏng (LPG) ước đạt 74 nghìn tấn, tăng 6,4% cùng kỳ.

***- Ngành Than và Khoáng sản:*** Trong tháng 1, ngành đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo điều hành sản xuất theo nhu cầu thị trường, tiếp tục hoàn thiện tái cơ cấu, đổi mới công nghệ, hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, tinh giản lao động để tăng năng suất, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm.

Sản lượng than sạch tháng 1, ước đạt 3,443 triệu tấn, tăng 27,1% so với cùng kỳ; alumin ước đạt 91,5 nghìn tấn, tăng 140,1% so với cùng kỳ.

***4.2. Ngành Công nghiệp nặng***

***- Ngành thép:*** Tháng 01 năm 2018, sản lượng sắt thép thô ước đạt 772,6 nghìn tấn, tăng 28,4% so với cùng kỳ; thép cán ước đạt 511,4 nghìn tấn, tăng 15,4% so với cùng kỳ; thép thanh, thép góc ước đạt 552 nghìn tấn, tăng 24,1% so với cùng kỳ. Mặt hàng thép nhập khẩu các loại tháng 01 ước giảm 0,8% về số lượng nhưng tăng 26,4% về trị giá so với cùng kỳ.

Thị trường thép xây dựng trong nước tháng đầu năm khá ảm đạm do nhu cầu thấp. Tại thị trường dự án công trình, chủ yếu là các dự án cũ tiếp tục nhập thép để thi công, còn lại có rất ít dự án mới được khởi công; Tại thị trường dân dụng, do là giai đoạn cuối năm âm lịch, nên nhu cầu tiêu thụ thép xây dựng trong dân cư thấp.

Trong tháng, giá trên thị trường thép xây dựng nội địa có diễn biến tương đối ổn định. Mặc dù giá vật tư nguyên liệu có xu hướng tăng nhưng do tiêu thụ chậm, sản lượng bán ra thấp hơn so với tháng trước nên các nhà sản xuất vẫn cố gắng giữ giá để cạnh tranh.

***- Ngành phân bón, hoá chất***: Tháng 01, sản lượng phân đạm urê ước đạt 159,3 nghìn tấn, giảm 8,5% so với cùng kỳ; phân NPK khoảng 256 nghìn tấn, tăng 15,6% so cùng kỳ; phân lân (Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) khoảng 129 nghìn tấn, tăng 19,1% so cùng kỳ; phân DAP (Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) khoảng 42 nghìn tấn, tăng 59,2% so với cùng kỳ.

Nhu cầu phân bón nội địa trong tháng 01 có chiều hướng giảm dần do một số khu vực xuống giống sớm lúa Đông Xuân đã vào giai đoạn thu hoạch.

Dự báo năm 2018, nguồn cung phân bón trên thế giới sẽ bị ảnh hưởng bởi ngành phân bón Trung Quốc – một trong những quốc gia sản xuất phân bón hàng đầu trên thế giới đang lâm vào tình trạng khủng hoảng, do chiến dịch sưởi ấm bằng khí đốt (khí đốt là một trong những nguyên liệu dùng sản xuất phân bón) trong mùa đông năm 2018 tại quốc gia này. Giảm nguồn cung nguyên liệu đồng nghĩa với việc làm giảm nguồn cung phân bón, Trung Quốc sẽ hạn chế xuất khẩu để đáp ứng thị trường nội địa và đẩy giá phân bón tăng. Giá phân bón tại Việt Nam dự báo cũng sẽ biến động cùng xu hướng.

***- Ngành cơ khí, điện, điện tử:*** Tháng 01, một số sản phẩm của ngành có tốc độ tăng trưởng khá cao như ti vi ước đạt 921,7 nghìn cái, tăng 62,9% so với cùng kỳ; ôtô ước đạt 19,2 nghìn cái, tăng 15,4% so với cùng kỳ; điện thoại di động ước đạt 17,1 triệu cái, tăng 16% ; xe máy ước đạt 332,2 nghìn cái, tăng 17,5% so với cùng kỳ.

Gần dịp Tết Nguyên đán, các công ty sản xuất, kinh doanh hàng điện tử, điện lạnh thực hiện những chương trình khuyến mại hấp dẫn nhằm tăng sức mua. Do đó, thị trường điện tử, điện lạnh thời điểm này khá sôi động. Các sản phẩm điện tử được người tiêu dùng quan tâm nhất vào thời điểm này vẫn là tivi, dàn âm thanh, loa...

***4.3. Ngành Công nghiệp nhẹ***

***- Ngành Dệt may:*** Tháng 01 năm 2018 có số thời gian làm việc nhiều hơn so với năm 2017 (hơn 5 ngày do tháng 01 năm 2017 trùng với dịp lễ Tết Nguyên đán) nên ngành dệt may có tốc độ tăng trưởng cao so với cùng kỳ, trong đó, chỉ số sản xuất ngành dệt tăng 23%; chỉ số sản xuất trang phục tăng 25,8% so với cùng kỳ năm 2017. Một số sản phẩm trong ngành đạt mức tăng trưởng như: Vải dệt từ sợi tự nhiên ước đạt 36,1 triệu m2, tăng 3,4% so với cùng kỳ; sản xuất vải dệt từ sợi tổng hợp và sợi nhân tạo ước đạt 67,7 triệu m2, tăng 33,8% so với cùng kỳ; quần áo mặc thường ước đạt 402,4 triệu cái, tăng 17,7%. Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt và may mặc tháng 01 ước đạt 2,3 tỷ USD, tăng 7,6% so với cùng kỳ.

Dự báo ngành dệt may năm 2018 sẽ gặp nhiều thách thức lớn, tính cạnh tranh cao. Để vượt qua được thách thức trên đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành cần phải có chiến lược cụ thể nhằm tận dùng tối đa cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để nâng cao tính cạnh tranh, tạo sự đột phá, khác biệt so với những năm trước; đồng thời các doanh nghiệp cũng cần chủ động thực hiện các giải pháp như: kêu gọi đầu tư nước ngoài vào các khâu đang là nguồn cung thiếu hụt của ngành dệt may nhằm hạn chế tối đa việc nhập khẩu nguồn nguyên liệu, góp phần tăng thặng dư thương mại; Áp dụng rộng rãi mô hình quản lý Lean trong ngành may; Xây dựng doanh nghiệp theo hướng xanh, sạch, an toàn, thân thiện với môi trường, giảm thiểu tối đa áp lực về thời gian làm việc, tạo động lực làm việc cho người lao động; Phát triển ngành thời trang gồm thiết kế thời trang và kinh doanh thời trang, tăng tỷ trọng các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo phương thức ODM và OBM; Xây dựng chuỗi cung ứng, liên kết hợp tác trong ngành dệt may cũng như Hiệp hội Dệt May nhằm giảm thiểu chi phí, nâng cao tính cạnh tranh của doanh nghiệp dệt may...

***- Ngành Da giầy:*** Tháng 01 năm 2018, sản xuất và xuất khẩu của ngành tăng trưởng khá so với cùng kỳ. Chỉ số sản xuất da và các sản phẩm liên quan tăng 20,2% so với cùng kỳ năm 2017; sản lượng giầy, dép da tháng 1 năm 2018 ước đạt 20,5 triệu đôi, tăng 3,9% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu giầy, dép các loại tháng 01 ước đạt 1,3 tỷ USD, tăng 11,5% so với cùng kỳ.

Tương tự như ngành dệt may, các doanh nghiệp ngành da giày cũng cần chủ động nắm bắt tình hình và tận dùng tối đa cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để nâng cao tính cạnh tranh, tạo sự đột phá trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

***- Ngành Thuốc lá:*** Cùng với các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, thuốc lá cũng là mặt hàng có nhu cầu tăng cao trong dịp Tết. Tuy nhiên, ngành đã đảm bảo nguồn cung ổn định cho thị trường và có mức tồn kho hợp lý. Bên cạnh đó, công tác chống thuốc lá lậu đang được triển khai mạnh mẽ. Chỉ số sản xuất thuốc lá tháng 01 năm 2018 tăng 21,2% so với cùng kỳ năm 2017; sản lượng sản xuất thuốc lá ước đạt 491,8 triệu bao, tăng 21,2% so với cùng kỳ.

***- Ngành Rượu - Bia - Nước giải khát:*** Sản xuất ngành đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước, đặc biệt là chuẩn bị cho dịp Tết Nguyên đán sắp tới. Việc chuẩn bị hàng tới các nhà phân phối, bán lẻ đã được hoàn tất từ sớm. Lượng hàng hóa phục vụ Tết rất đa dạng, phong phú nên người dân có nhiều lựa chọn hơn trong sử dụng sản phẩm đồ uống. Tháng 01 năm 2018, chỉ số sản xuất sản xuất đồ uống tăng 15% so với cùng kỳ; lượng bia các loại ước đạt 396,9 triệu lít, tăng 21,5% so với cùng kỳ.

Giá cả các mặt hàng rượu bia ổn định, không có sự tăng giá đột biến.

- ***Ngành Giấy:*** Tháng 01 năm 2018, chỉ số sản xuất của ngành giấy và các sản phẩm của giấy tăng 19,4% so với cùng kỳ. Sản xuất giấy các loại của Tổng công ty Giấy Việt Nam ước đạt 10,4 nghìn tấn, tăng 30,9% so với cùng kỳ năm 2017. Đặc biệt xuất khẩu giấy và sản phẩm giấy ước đạt 60 triệu USD, tăng 38,8%; nhập khẩu sản phẩm giấy ước đạt 165 triệu USD, tăng 52,2% do thuế nhập khẩu của đa số các sản phẩm giấy từ các nước ASEAN, Trung Quốc về 0% làm cho thị trường giấy trong nước cũng như trong khu vực cạnh tranh khá gay gắt.

**II. HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI**

**1. Xuất khẩu hàng hoá**

Kim ngạch xuất khẩu tháng 01 năm 2018 ước đạt 19 tỷ USD, tăng 33,1% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của khu vực 100% vốn trong nước ước đạt 5,41 tỷ USD, tăng 31,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 13,6 tỷ USD, tăng 33,7% so với cùng kỳ năm 2017.

***a) Về xuất khẩu các nhóm hàng***

- *Kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thuỷ sản* ước đạt 2,12 tỷ USD, giảm 7,5% so với tháng 12/2017 và tăng 28,3% so với cùng kỳ năm 2017, chiếm 11,2% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong nhóm này, hầu hết các mặt hàng đều đạt mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ 2017 như: thủy sản ước đạt 600 triệu USD, tăng 23,8%; rau quả ước đạt kim ngạch 320 triệu USD, tăng 36,4%; hạt điều ước đạt 286 triệu USD, tăng 75%; gạo ước đạt 214 triệu USD, tăng 49,6%; sắn và các sản phẩm từ sắn ước đạt 127 triệu USD, tăng 114,4%; chè ước đạt 17 triệu USD, tăng 25,2%. Riêng cà phê giá xuất khẩu bình quân giảm 13,9% so với cùng kỳ nhưng sản lượng xuất khẩu ước tăng 25,1% nên kim ngạch tăng trưởng ở mức 7,7%, đạt 340 triệu USD.

Mặt hàng cao su và hạt tiêu ước đạt mức tăng trưởng cao về sản lượng so với cùng kỳ (lần lượt tăng 60,9% và 43,5%) nhưng kim ngạch xuất khẩu sụt giảm lần lượt là 5,7% và 17,9% và ước đạt 169 triệu USD và 51 triệu USD do giá xuất khẩu bình quân giảm sâu so với cùng kỳ (giảm 42,5% đối với hạt tiêu và 41,4% đối với cao su).

- *Kim ngạch xuất khẩu nhóm nhiên liệu và khoáng sản* ước đạt gần 0,3 tỷ USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ. Xuất khẩu các mặt hàng than đá; quặng và khoáng sản khác đều tăng do tăng mạnh về lượng xuất khẩu, tuy nhiên giá xuất khẩu bình quân của các mặt hàng này giảm, riêng mặt hàng xăng dầu đạt tăng trưởng dương cả về sản lượng và trị giá.

Dầu thô là mặt hàng duy nhất trong nhóm có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ (giảm 13,0%) chủ yếu do lượng giảm 21,4%; giá xuất khẩu bình quân ước tăng nhẹ 0,6% so với cùng kỳ.

- *Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến* ước đạt 15,62 tỷ USD, tăng 34,6% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng khoảng 82,2%.

Các mặt hàng có đóng góp lớn vào mức tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu tiếp tục là điện thoại các loại và linh kiện ước đạt 4,2 tỷ USD, tăng 80,7% so với cùng kỳ; hàng dệt và may mặc ước đạt 2,3 tỷ USD, tăng 7,6%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện ước đạt 2,2 tỷ USD, tăng 37,9% so với cùng kỳ; giày dép các loại ước đạt 1,3 tỷ USD, tăng 11,5%; máy móc thiết bị dụng cụ phụ tùng ước đạt 1,05 tỷ USD, tăng 18,2%.

***b) Về thị trường xuất khẩu***

So với tháng 01 năm 2017, kim ngạch xuất khẩu sang hầu hết các khu vực thị trường đều có mức tăng trưởng dương, cụ thể:

Xuất khẩu sang thị trường châu Á ước đạt 10,81 tỷ USD, tăng 54,4%; trong đó xuất khẩu sang ASEAN ước đạt 1,75 tỷ USD, tăng 15,6%; xuất khẩu sang Nhật Bản ước đạt 1,48 tỷ USD, tăng 18,6%; xuất khẩu sang Hàn Quốc ước đạt 1,28 tỷ USD, tăng 28%; Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong tháng 01 năm 2018 với kim ngạch đạt 4,47 tỷ USD, gấp 2,5 lần cùng kỳ năm trước, tăng 148,9%.

Xuất khẩu sang châu Âu ước đạt 3,24 tỷ USD, tăng 7,4%; trong đó xuất khẩu sang EU ước đạt 3,03 tỷ USD, tăng 6,6%; xuất khẩu sang Nga ước đạt 170 triệu USD, tăng 27,5%; Xuất khẩu sang châu Mỹ ước đạt 4,29 tỷ USD, tăng 17,5%; trong đó xuất khẩu sang Hoa Kỳ ước đạt 3,52 tỷ USD, tăng 17%; Xuất khẩu sang châu Đại Dương ước đạt 315 triệu USD, tăng 31,1%; Riêng châu Phi có kim ngạch xuất khẩu giảm 9,5% so với cùng kỳ, kim ngạch ước đạt 128,2 triệu USD.

Như vậy, trong tháng đầu năm 2018, một số thị trường truyền thống của Việt Nam vẫn được giữ vững và tiếp tục phát huy hiệu quả, cũng như từng bước tận dụng các lợi thế của các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết.

**2. Về nhập khẩu**

Kim ngạch nhập khẩu tháng 01 năm 2018 ước đạt 19,3 tỷ USD, giảm 3% so với tháng 12/2017 và tăng 47,4% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực 100% vốn trong nước ước đạt 7,8 tỷ USD, tăng 43,2%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 11,5 tỷ USD, tăng 50,4% so với cùng kỳ năm trước.

Tuy giá các nhóm hàng là nguyên liệu đầu vào cho sản xuất trên thị trường thế giới không thấp, nhưng các doanh nghiệp tranh thủ nhập khẩu hàng hóa phục vụ sản xuất, tiêu dùng tăng cao vào tháng giáp Tết, do vậy đã góp phần làm kim ngạch nhập khẩu tháng 01 cao hơn so với cùng kỳ.

***a) Về nhóm hàng nhập khẩu***

*- Nhóm hàng cần nhập khẩu* ước đạt 17,230 tỷ USD, tăng 47,9% so với cùng kỳ năm 2017. Mặt hàng nhập khẩu tập trung chủ yếu ở nhóm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, đây là dấu hiệu khả quan cho hoạt động sản xuất của năm 2018 ở cả doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu bông các loại tăng 51,1%; xơ, sợi, dệt các loại tăng 62,6%; nguyên phụ liệu dệt may, da giày tăng 28,1%; máy móc, thiết bị tăng 25,4%; máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện ước tăng 72,3% so với cùng kỳ…

*- Nhóm hàng cần kiểm soát nhập khẩu* ước đạt 1,15 tỷ USD, và tăng 45,3% so với cùng kỳ. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu phế liệu sắt thép trị giá khoảng 166 triệu USD, tăng 135,8% so với cùng kỳ năm 2017; bánh kẹo và sản phẩm từ ngũ cốc tăng 191%; xe máy và linh kiện phụ tùng tăng 71,8%. Về mặt hàng rau quả, kim ngạch nhập khẩu ước đạt khoảng 140 triệu USD, tăng 44,5% so với cùng kỳ. Đây là mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng cao trong nhóm hàng cần kiểm soát. Tuy nhiên, trong tổng lượng nhập khẩu mặt hàng này có một phần được doanh nghiệp nhập khẩu để xuất khẩu sang thị trường khác, góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng rau quả.

***b)Về thị trường nhập khẩu***

Về thị trường nhập khẩu trong tháng: nhập khẩu từ châu Á có mức tăng mạnh 50,4%; chiếm 82,59% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước. Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước tính đạt 5,68 tỷ USD, tăng 45,6% so với cùng kỳ năm 2017. Hàn Quốc đạt 4,18 tỷ USD, tăng 54,2%; ASEAN đạt 2,58 tỷ USD, tăng 46,3%; Nhật Bản đạt 1,68 tỷ USD, tăng 93,1%.

Các thị trường còn lại có mức tăng tương đối mạnh, cụ thể như sau: châu Âu tăng 35,4% và chiếm tỷ trọng xấp xỉ 7%, trong đó EU tăng 34,1%, chiếm tỷ trọng 5,5%; Châu Mỹ tăng 28,1% và chiếm tỷ trọng 6,6%; Châu Phi tăng 62,4% chiếm tỷ trọng 0,2%; Châu Đại Dương tăng 43,2% chiếm tỷ trọng gần 1,5% và thị trường khác chiếm tỷ trọng 2,17%

**3. Cán cân thương mại**

Tháng 1 ước nhập siêu 300 triệu USD, bằng 1,6% kim ngạch xuất khẩu, trong đó: khu vực doanh nghiệp trong nước nhập siêu 2,39 tỷ USD; khu vực FDI (kể cả dầu thô) xuất siêu 2,09 tỷ USD.

**Đánh giá chung về tình hình nhập khẩu**

- Tháng 1 năm 2018, kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng công nghiệp chế biến tăng trưởng 34,6% so với cùng kỳ năm 2017, đây là mức tăng trưởng cao hơn so với mức tăng năm 2017 (tăng 22,7%). Riêng trong tháng 1 đã có 5 nhóm hàng có KNXK trên 1 tỷ USD là các mặt hàng chủ lực như điện thoại và linh kiện; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác; giầy, dép các loại; hàng dệt và may mặc. Xuất khẩu tăng cao so với cùng kỳ có nguyên nhân do tháng 01 năm 2017 có kỳ nghỉ Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán, trong khi đó tháng 01 năm 2018 không có các kỳ nghỉ trên, nhưng đây cũng là tín hiệu tốt cho sự tiếp đà tăng trưởng mạnh mẽ về kim ngạch xuất khẩu của năm 2017.

- Kim ngạch xuất nhập khẩu tháng 01 năm nay đạt mức tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái ở hầu hết các nhóm hàng do Tết Nguyên đán năm nay đến muộn và không rơi vào tháng 01 như năm 2017 (tháng 01 năm 2017 có 2 kỳ nghỉ là Tết dương lịch và Tết nguyên đán).

- Do nhu cầu tiêu thụ hàng hóa trước Tết Nguyên đán lớn, lượng nhập khẩu nhiều hàng hóa phục vụ sản xuất, tiêu dùng trong nước tăng cao so với cùng kỳ (trong đó Bánh kẹo và sản phẩm ngũ cốc tăng 191%; Điện thoại và các loại linh kiện tăng 115,8%; Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện tăng 188,7%; Hàng điện gia dụng, linh kiện tăng 80%) là một trong những nguyên nhân khiến cho kim ngạch nhập khẩu tháng 01 năm 2018 tăng mạnh 47,4% so với cùng kỳ năm trước, gây ra thâm hụt cán cân thương mại trong tháng 01/2018.

- Xuất khẩu sang Trung Quốc tăng mạnh trong tháng 01 năm 2018 một phần do nhu cầu hàng hóa của thị trường này tăng cao phục vụ cho Tết Nguyên đán sắp tới.

**4. Thị trường trong nước**

Dịp Tết Nguyên đán năm nay rơi vào tháng 2 nên các thương nhân, doanh nghiệp trong nước đang tích trữ nguồn hàng để phục vụ thị trường Tết. Hoạt động bán lẻ và kinh doanh dịch vụ trong tháng giáp Tết Nguyên đán diễn ra sôi động, nhu cầu mua sắm của người dân tăng. Các doanh nghiệp và hệ thống siêu thị đã chủ động dự trữ hàng hóa, nguyên liệu nhằm đảm bảo phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết Mậu Tuất. Nhờ đó, tạo sự ổn định về cung cầu hàng hóa, giá cả các mặt hàng tương đối ổn định, không xuất hiện tình trạng tăng giá đột biến, đảm bảo nguồn hàng hóa phục vụ nhu cầu nhân dân trong dịp Tết, tăng cường kiểm tra thị trường, ngăn chặn xử lý hàng giả, hàng kém chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ xã hội tháng 01 tăng cao do nhu cầu mua sắm chuẩn bị tết của người dân vào dịp này tăng, ước tháng 01 đạt 361,073 nghìn tỷ đồng, tăng 3% so với tháng trước và tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2017, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 8,38%. Trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 272 nghìn tỷ đồng, tăng 8,3% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 75,3%; lưu trú, ăn uống ước đạt 45,09 nghìn tỷ đồng, tăng 14,7%, chiếm tỷ trọng 12,5%; du lịch ước đạt 3,9 nghìn tỷ đồng, tăng 39,3%, chiếm tỷ trọng 1,1%; dịch vụ đạt 40 nghìn tỷ đồng, tăng 9,9%, chiếm tỷ trọng 11,1%. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng khá so với cùng kỳ năm trước do lượng khách quốc tế và du lịch trong nước tăng cao, đồng thời dịch vụ ăn uống ngoài gia đình có xu hướng tăng trong những ngày đầu năm mới. (Phụ lục 7).

**Biểu đồ: TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ**

*Về chương trình bình ổn thị trường*

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công Thương, Sở Công Thương các Tỉnh/Thành phố đã và đang tích cực triển khai công tác chuẩn bị Tết, trong đó chú trọng triển khai Chương trình bình ổn thị trường. Các Sở Công Thương đã chủ động tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh phương án chuẩn bị nguồn hàng; đôn đốc, hỗ trợ các doanh nghiệp và phối hợp chặt chẽ với các sở ngành liên quan trong công tác triển khai thực hiện kế hoạch Tết của địa phương.

Nhìn chung thị trường trước Tết nguyên đán năm nay không có biến động lớn. Công tác chuẩn bị hàng hóa phục vụ Tết được chuẩn bị khá chu đáo và sớm, cùng với đó nguồn cung hàng thực phẩm dồi dào, đa dạng nên đã giữ giá hàng hóa thực phẩm trong tháng tương đối ổn định. Trên thị trường, hàng Việt Nam ngày càng chiếm ưu thế với chất lượng khá tốt và giá cả hợp lý, được người tiêu dùng ưu tiên lựa chọn. Các hàng hóa phục vụ Tết khác như hoa cây cảnh, trái cây, bánh mứt kẹo, đồ uống cũng không có biến động lớn so với cùng kỳ năm trước, nguồn cung ngày càng phong phú, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân.

*Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)*

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 1 năm 2018 tăng 0,51% so với tháng 12 năm 2017, trong đó các nhóm hàng có mức tăng từ 0,07-1,83%. Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất với 1,83% (dịch vụ y tế tăng 2,34%) do trong tháng có 9 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế cho đối tượng không có thẻ bảo hiểm y tế (tác động làm CPI chung tăng khoảng 0,09%). Nhóm giao thông tăng khá cao với 1,17%, chủ yếu do ảnh hưởng từ đợt điều chỉnh tăng giá xăng dầu vào thời điểm ngày 04 tháng 01 năm 2018 và 19 tháng 01 năm 2018; giá vé tàu hỏa tăng dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,55% do giá điện sinh hoạt và giá dầu hỏa được điều chỉnh tăng, cùng với nhu cầu sửa chữa nhà ở tăng cao trong tháng cuối năm. Các nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại có chỉ số giá tăng thấp hơn mức tăng chung: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,44% (lương thực tăng 0,47%, thực phẩm tăng 0,56%); đồ uống và thuốc lá tăng 0,35%; may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,34%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,16%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,07%; giáo dục tăng 0,03% (dịch vụ giáo dục tăng 0,04%); hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,40%. Riêng nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,09% so với tháng trước.

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 1/2018 tăng 2,65%. Trong đó, nhóm thuốc và dịch vụ y tế là nhóm tăng cao nhất (tăng 28,83%) do việc điều chỉnh phí dịch vụ y tế theo lộ trình của các địa phương trong cả nước trong năm 2017 vừa qua; tiếp đến là nhóm giáo dục (tăng 6,82%) do các địa phương cũng điều chỉnh tăng học phí, các nhóm còn lại tăng từ 0,93%-4,64%; riêng nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 1,2%.

**III. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

**1.Về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**

Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 4867/QĐ-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2018, theo đó, tổng số văn bản mà Bộ Công Thương phải trình/ban hành theo thẩm quyền là 49 văn bản, bao gồm: 9 Nghị định, 1 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 39 Thông tư.

Tính đến ngày 26 tháng 01 năm 2018, Bộ Công Thương đã trình Chính phủ ban hành được **02** Nghị định (trong đó: có 01 Nghị định thuộc Chương trình XDVBQPPL năm 2017[[1]](#footnote-1), 01 Nghị định thuộc Chương trình năm 2018[[2]](#footnote-2)).

**2. Công tác quản lý thị trường**

Theo báo cáo nhanh, trong tháng 01 năm 2018 lực lượng Quản lý thị trường kiểm tra gần 9.500 vụ, phát hiện xử lý trên 6.600 vụ vi phạm, tổng số tiền thu nộp ngân sách nhà nước trên 40 tỷ đồng.

**IV. CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN TRONG THÁNG 02**

Các doanh nghiệp, các Sở Công Thương và các đơn vị trực thuộc tập trung triển khai nghiêm túc Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP được ban hành tại Quyết định số 53/QĐ-BCT ngày 08 tháng 01 năm 2018; trong tháng 02 tập trung vào một số nội dung chính sau:

1. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

2. Các đơn vị, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước thuộc Bộ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 11476/QĐ-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc ban hành Kế hoạch hành động của ngành Công Thương thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2017-2020, xét đến năm 2025 sau khi được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành (dự kiến trong tháng 2 năm 2018).

3. Về thị trường trong nước, theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả các mặt hàng thiết yếu để có biện pháp điều tiết kịp thời, để đảm bảo phân phối hàng hóa hợp lý giữa các vùng miền, không để tình trạng thiếu hàng hóa xảy ra cục bộ ở một số nơi; tiếp tục đẩy mạnh triển khai Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” thông qua khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp tích cực đưa hàng hóa về các vùng nông thôn; vùng sâu; vùng xa, nhằm mở rộng và thiết lập thị trường vững chắc cho hàng hóa sản xuất trong nước.

4. Triển khai quyết liệt các kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thị trường cao điểm tháng cuối năm và dịp Tết Nguyên đán; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về giá, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, không đảm bảo an toàn thực phẩm và các hành vi gian lận thương mại, chú trọng các mặt hàng thiết yếu được tiêu dùng trong dịp Tết Nguyên đán.

5. Thực hiện đồng bộ và triển khai hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực, các cam kết trong WTO và Cộng đồng Kinh tế ASEAN; tích cực chuẩn bị cho việc thực thi hiệu quả các FTA thế hệ mới. Tăng cường nghiên cứu các vấn đề về hội nhập kinh tế quốc tế trong quá trình hoạch địch chính sách về hội nhập; tập trung nghiên cứu các vấn đề mới như tác động của việc tham gia các FTA thế hệ mới, xu hướng tác động trong các khung khổ hợp tác khu vực và toàn cầu như ASEAN, APEC, ASEM, WTO. Ưu tiên tìm kiếm và mở rộng thị trường cho hàng hóa, dịch vụ của Việt Nam nhằm tăng cường xuất khẩu.

6. Các đơn vị thuộc Bộ tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, đặc biệt là công tác cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh theo hướng rà soát thủ tục, quy trình cấp phép, thực hiện tối đa việc cấp phép trực tuyến đảm bảo đơn giản, công khai, minh bạch; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện kết nối liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ.

7. Đẩy nhanh tiến độ thoái vốn, cổ phần hóa và sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ theo đề án, tiến độ, lộ trình đề ra đảm bảo chất lượng; cổ phần hóa gắn với niêm yết trên thị trường chứng khoán và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp mà nhà nước không cần nắm giữ theo các nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch, đúng pháp luật và đảm bảo lợi ích cao nhất của nhà nước.

8. Một số Tập đoàn thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

*- Tập đoàn Điện lực Việt Nam*

+ Tiếp tục thực hiện các giải pháp để đảm bảo cung ứng điện cho sản xuất cũng như tiêu dùng trong dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán; phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; điều tiết các hồ chứa thủy điện để đảm bảo đủ nước phục vụ đổ ải, nhu cầu cho hạ du và cung cấp điện vào cuối mùa khô.

+ Tăng cường công tác vận hành các nhà máy nhiệt điện than và tua bin khí để khai thác phối hợp tối ưu thủy – nhiệt điện để đáp ứng nhu cầu phụ tải.

+ Triển khai thực hiện tốt công tác chuẩn bị để tổ chức triển khai thí điểm thành công thí điểm thanh toán thật đối với thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

*- Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam và Tổng công ty Đông Bắc*

Chỉ đạo các đơn vị chế biến, kinh doanh than tập trung tiêu thụ than theo hướng ưu tiên đáp ứng tối đa cho nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu các chủng loại than trong nước chưa có nhu cầu sử dụng nhằm giảm lượng tồn kho ở mức tối đa.

*- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam*

+ Bám sát diễn biến giá dầu năm 2018 để có giải pháp kịp thời ứng phó với những biến động do giá dầu phục vụ kế hoạch sản xuất; Tiếp tục rà soát, tiết giảm chi phí để giảm giá thành khai thác dầu khí.

- Tối ưu hóa chế độ vận hành nhằm gia tăng sản lượng khai thác từ các mỏ hiện có, tìm kiếm, thăm dò một số giếng khai thác mới tại các mỏ hiện đang khai thác nhằm đảm bảo sản lượng theo kế hoạch./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Kinh tế Trung ương;  - Bộ KHĐT;  - VP TƯ Đảng;  - VP Chính phủ;  - UB Kinh tế của Quốc hội;  - Mạng diện rộng VPCP;  - Lãnh đạo Bộ;  - Đảng uỷ Bộ;  - Các Vụ (qua mạng nội bộ);  - Lưu: VT, KH (14). | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**      **Cao Quốc Hưng** |

1. Nghị định số **09/2018/NĐ-CP** ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-1)
2. Nghị định số **08/2018/NĐ-CP** ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. [↑](#footnote-ref-2)